SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

RAPTOR S1 PS

Giày an toàn thấp th ể **thao** v ộ phận **không khí**
h oạt độ n g

Giày an toàn RAPTOR m ang t ầm nhìn vô song ộ không khí chủ
độ i àm ng ứng nhanh xóg úng mái vàng hoà mạng ệ kh ỏi tia l ửa tĩnh điệ n
ắc in và cắt s ơ.



CO2
8.98 kg

077

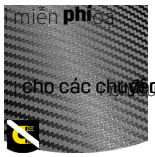
Những vật liệu cao cấp hơn	thép, da hành động nubuck
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ ống hợp	t
i Loạ	S1 PS / SR, FO, HRO
Phạm vi kích thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng t	0.615 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022



S1P
trong khô ráo, không có nguy cơ
bị nước ngấm vào, và bạn cần
bảo vệ ngón chân, chống đâm
thủng và thông gió bạn cần giày
bảo hộ S1P.



SRC
Đ những tính năng quan trọng
giày bảo hộ chống trượt qua cả bài
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Kim |
Giày an toàn không có giày an
toàn thông thường. Chúng cũng
cho các chuyên gia giày.



Mũi giày an toàn composite
Không có kim
và nhiệt, điện hoặc dẫn
điện



SJ BỘ
chống tĩnh có thể tháo
lót chân
gót chân và bàn Thông khí và hút ẩm



chống tĩnh điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn
chúng có điện trở cách
1 Gigaohm

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô. Thự ờcụ ướcầm & Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hàm nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l i	**thép, da hành** độ n g **nubuck** **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8		4.7	ời	mg/cm/g
	Top: h nụ số ơ	? 15		44.1		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2		63.9	ời	mg/cm/g
	lót: h nụ số ơ	? 20		511.3		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**					
	Ch ố i ả g mài mòn ế ngoài (	? 150		102		mm
	Chư ố ợ c ả bản - Ceramic + NaLS - Trư ợ t **gót** v ề phía t	? 0.31		0.49		ma sát
r	Cột ố ả bản - G ố m + NaLS - Trư ợ t lùi v ề phía t	? 0.36		0.45		ma sát
r	Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t **gót** phía t	? 0.19		0.27		ma sát
	Chư ố ợ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t v ề phía t	? 0.22		0.23		ma sát
r	ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		130		megaohm
r	ESD Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20		38		J
Đ ở n g đ ợ p						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 100J)**	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở **sau khi nén 10kN)**	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 200J)**	? 14		17.0		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở **sau khi nén 15kN)**	? 14		18.0		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, không có ý thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		6.71		kg
	Bao bì		0.12		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.98 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		7%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com